

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2024

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sanh

2. Ông Nguyễn Ngọc Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thuyền, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn T

- Bị đơn: Bà Phạm Thị H

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N.

Nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2024, nguyên đơn ông Trần Văn Thức trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị H tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 1986, nhưng đến ngày 30/01/2015 mới đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã Đức Lân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi cưới thì vợ chồng có 03 con chung. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Đến năm 2022 thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không có hạnh phúc nên tôi đã về ở với mẹ đẻ của tôi và chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nhưng trong thời gian ly thân thì vợ chồng có xảy ra xô sát nhau nên Công an xã đến để giải quyết. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, đã ly thân, phần ai nấy sống, không quan tâm gì đến nhau. Nên nay ông yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn với bà Phạm Thị H.

Về con chung: Ông và bà Hà có 03 con chung tên Trần Đăng D, sinh năm 1987; Trần Thị Liên D, sinh năm 1991 và Trần Thị Phương M, sinh năm 1993. Hiện nay các con đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Ông T trình bày không có.

- Bị đơn bà Phạm Thị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình và không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã thụ lý đơn khởi kiện đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền, giải quyết vụ án trong thời hạn luật định. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn bà Phạm Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T và bà Phạm Thị H tổ chức lễ cưới vào năm 1986 nhưng đến ngày 30/01/2015 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức Lân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông T, bà H có xảy ra mâu thuẫn nên ông T khởi kiện yêu cầu được ly hôn bà H. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà H nhưng bà H không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của ông T và cũng không đến tham gia phiên hòa giải để Tòa án hòa giải cho vợ chồng ông, bà về chung sống. Điều này chứng tỏ bà H không muốn hàn gắn tình cảm với ông T, mâu thuẫn giữa ông

T và bà H là trầm trọng. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T. Ông Trần Văn T được ly hôn bà Phạm Thị H.

[2.2] Về con chung: Ông T, bà H có 03 con chung tên Trần Đăng D, sinh năm 1987; Trần Thị Liên D, sinh năm 1991 và Trần Thị Phương M, sinh năm 1993. Hiện nay con chung đã thành niên, ông Thức không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

Về nợ chung: Ông T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Ông Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T được ly hôn bà Phạm Thị H.

2. Về con chung: Ông Trần Văn T, bà Phạm Thị H có 03 con chung tên Trần Đăng D, sinh năm 1987; Trần Thị Liên D, sinh năm 1991 và Trần Thị Phương M, sinh năm 1993. Hiện nay con chung đã thành niên, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Ông Trần Văn T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Ông Trần Văn T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Ông Trần Văn T phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003088 ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã Đức Lân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Minh Vương